

Số: 5139 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với Chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của nhà nước theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với Chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 733/TTr-SNV ngày 26/12/2016, của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 5656/STC-QLNSHX ngày 29/12/2016, của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh tại Công văn số 1473/BHXX-CĐBHXX ngày 29/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với Chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của nhà nước, như sau:

- Tổng số người: 201 người.

- Tổng kinh phí: 1.328.775.000 đồng (Một tỷ ba trăm hai tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bao gồm:

1. Đối tượng hưởng trợ cấp mai táng phí: 84 người x 10.500.000đ/người = 882.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi hai triệu đồng).

(Chi tiết danh sách tại phụ lục số 01 kèm theo)

2. Đối tượng hưởng trợ cấp một lần: 100 người, kinh phí: 446.775.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); trong đó:

+ Chủ nhiệm HTX có thời gian công tác từ 03 tháng đến 03 năm: 59 người x 3 năm/người x 1.050.000đ/năm = 185.850.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chủ nhiệm HTX có thời gian công tác trên 03 năm: 41 người (248,5 năm x 1.050.000đ/năm = 260.925.000 đồng) (Hai trăm sáu mươi triệu chín trăm hai lăm nghìn đồng).

(Chi tiết danh sách tại phụ lục số 02 kèm theo)

3. Đối tượng được cộng nổi thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ: 17 người.

(Chi tiết danh sách tại phụ lục số 03 kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí chi trả cho các đối tượng từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh tổng hợp kết quả, báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các Bộ ngành Trung ương theo quy định; kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo cấp phát bổ sung có mục tiêu năm 2016 cho các địa phương và hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc chi trả cho đối tượng theo đúng quy định hiện hành.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng được cộng nổi thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quyết định của UBND tỉnh thực hiện các thủ tục chi trả kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

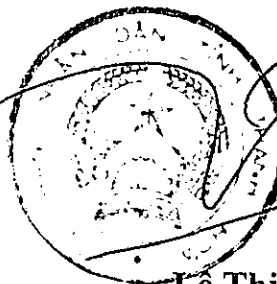
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

DANH SÁCH THÂN NHÂN CỦA CHỦ NHIỆM HỢP TÁC XÃ ĐÃ TỬ TRẦN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG
TRỢ CẤP MAI TÁNG PHÍ THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐẢM BẢO
 (Kèm theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước			Thời điểm chết (tháng/ năm)	Chế độ mai táng phí					Ghi chú
			Từ tháng năm	Đến tháng năm	Tên hợp tác xã		Số tiền (đồng)	Họ và tên thân nhân Chủ nhiệm HTX	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Quan hệ với CN HTX	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Huyện Hoằng Hóa											
	Xã Hoằng Khánh											
1	Cao Xuân Viên	1926	12-1972	11-1973	HTX Nông nghiệp Hoằng Khánh	5-2009	10,500,000	Cao Thị Chiên	1954	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	Con	
2	Hoàng Văn Nho	1926	12-1973	8-1975	HTX Nông nghiệp Hoằng Khánh	10-2000	10,500,000	Hoàng Thị Oanh	1960	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	Con	
3	Hoàng Hữu Tạo	1928	9-1975	12-1978	HTX Nông nghiệp Hoằng Khánh	02-2002	10,500,000	Hoàng Thị Quý	1964	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	Con	
4	Lương Thái Quý	1936	01-1979	12-1980	HTX Nông nghiệp Hoằng Khánh	11-2007	10,500,000	Nguyễn Thị Hạnh	1976	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	Con dâu	
5	Trần Văn Hường	1921	01-1981	12-1983	HTX Nông nghiệp Hoằng Khánh	8-2002	10,500,000	Trần Minh Thương	1957	Xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	Con	
II	Huyện Quảng Xương											
	Xã Quảng Nham											
1	Trần Văn Đang	1910	4-1962	8-1963	HTX Nông nghiệp Kim Toàn	4-1973	10,500,000	Trần Xuân Trường	1960	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Cháu nội	
2	Hoàng Văn Thường	1933	01-1966	01-1972	HTX Nông nghiệp Kim Toàn	12-1989	10,500,000	Hoàng Văn Hải	1960	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Con	
3	Hoàng Văn Tao	1929	01-1973	12-1973	HTX Nông nghiệp Kim Toàn	9-1992	10,500,000	Hoàng Văn Tùng	1956	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Con	
4	Phạm Văn Chung	1924	11-1974	8-1976	HTX Nông nghiệp Kim Toàn	6-2004	10,500,000	Phạm Văn Sa	1969	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Con	
5	Hoàng Trọng Ngoan	1943	6-1989	8-1991	HTX Nông nghiệp Kim Toàn	6-2006	10,500,000	Đinh Thị Định	1948	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Vợ	
	Xã Quảng Thạch											
6	Đầu Khắc Minh	1919	11-1982	11-1984	HTX Diêm nghiệp Hồng Sơn	12-1985	10,500,000	Đầu Khắc Hoảng	1945	Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương	Con	
	Xã Quảng Khê											

7	Lê Ngọc Liên	1936	9-1974	9-1978	HTX Nông nghiệp Quảng Khê	6-2000	10,500,000	Lê Ngọc Lục	1966	Xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương	Con	
III Huyện Thiệu Hóa												
Xã Thiệu Chính												
1	Lê Khắc Cẩn	1921	01-1975	6-1976	HTX Nông nghiệp Thiệu Chính	8-1990	10,500,000	Lê Khắc Hanh	1965	Xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa	Con	
Xã Thiệu Phú												
2	Phạm Văn Túc	1927	01-1970	12-1973	HTX Nông nghiệp Thiệu Phú	3-1997	10,500,000	Phạm Văn Cường	1956	Xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa	Con	
IV Huyện Yên Định												
Xã Yên Lạc												
1	Trịnh Đình Dũng	1958	07-1992	10-1994	HTX Nông nghiệp Yên Lạc	10-2010	10,500,000	Lưu Thị Tập	1964	Xã Yên Lạc, huyện Yên Định	Vợ	
Xã Yên Lâm												
2	Lê Văn Nhu	1923	01/1977	10/1977	HTX Nông nghiệp Yên Lâm	10/1990	10,500,000	Lê Văn Cừ	1955	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	Con	
Xã Quý Lộc												
3	Trịnh Quang Ngư	1931	12/1968	12/1972	HTX Nông nghiệp Yên Lộc	3/2006	10,500,000	Trịnh Quang Đắc	1952	Xã Quý Lộc, huyện Yên Định	Con	
4	Lê Văn Chạc	1935	5/1978	5/1979	HTX Nông nghiệp Quý Lộc	02/2006	10,500,000	Lê Văn Dũng	1954	Xã Quý Lộc, huyện Yên Định	Con	
V Huyện Hà Trung												
Xã Hà Toại												
1	Ngô Văn Nhựt	1919	02-1970	12-1970	HTX Nông nghiệp Hà Toại	12-1995	10,500,000	Ngô Xuân Nhượng	1949	Xã Hà Toại, huyện Hà Trung	Con	
Xã Hà Tiến												
2	Mai Duy Hè	1931	01-1973	7-1974	HTX Nông nghiệp Hà Tiến	6-1996	10,500,000	Mai Duy Thực	1973	Xã Hà Tiến, huyện Hà Trung	Con	
VI Thị xã Bìn Sơn												
Xã Hà Lan												
1	Nguyễn Xuân Độ	1952	10/1986	8/1988	HTX Nông nghiệp Hà Lan	8/1994	10,500,000	Nguyễn Duy Chính	1980	Xã Hà Lan, thị xã Bìn Sơn	Con	
VII Huyện Hậu Lộc												
Xã Lộc Sơn												
1	Đỗ Tất Nhân	1931	3/1971	3/1972	HTX Nông nghiệp Lộc Sơn	02-2004	10,500,000	Đỗ Tất Nhâm	1959	Xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc	Con	
VIII Huyện Nga Sơn												
Xã Nga Bạch												

1	Lê Thanh Tân	1930	02-1969	12-1972	HTX Ngư nghiệp Quyết Thắng	01-1996	10,500,000	Lê Thanh Từ	1961	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn	Con	
2	Ngô Văn Thêu	1936	02-1978	01-1981	HTX Nông nghiệp Thành Đồng	8-2004	10,500,000	Ngô Thị Hạt	1938	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn	Vợ	
Xã Nga Trường												
3	Mai Hanh Thông	1934	3-1975	02-1979	HTX Nông nghiệp Nga Trường	9-1995	10,500,000	Mai Văn Minh	1960	Xã Nga Trường, huyện Nga Sơn	Con	
Xã Nga Thiện												
4	Mai Văn Thắm	1923	01-1965	12-1966	HTX Nông nghiệp Nga Thiện	4-1991	10,500,000	Mai Văn Sáng	1967	Xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn	Con	
IX Huyện Tĩnh Gia												
Xã Thanh Thủy												
1	Lường Hữu Bổng	1933	3/1988	3/1989	HTX Nông nghiệp Thanh Thủy	9-1997	10,500,000	Lường Hữu Năng	1963	Xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia	Con	
Xã Trường Lâm												
2	Nguyễn Văn Kế	1930	6/1970	9/1974	HTX Nông nghiệp Trường Lâm	5/1990	10,500,000	Nguyễn Thị Đoài	1957	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	Con	
Xã Hải An												
3	Lê Văn Dông	1932	7-1977	6-1981	HTX Nông nghiệp Hải An	4-2003	10,500,000	Lê Thị Dưỡng	1931	Xã Hải An, huyện Tĩnh Gia	Vợ	
4	Lê Văn Tuyết	1928	01-1975	6-1977	HTX Nông nghiệp Hải An	12-1985	10,500,000	Nguyễn Thị Du	1929	Xã Hải An, huyện Tĩnh Gia	Vợ	
X TP. Thanh Hóa												
Phường Quảng Thắng												
1	Trần Xuân Ý	1930	02-1978	3-1979	HTX Nông nghiệp Quảng Thắng	02-1987	10,500,000	Trần Xuân Năm	1975	Phường Quảng Thắng, TP Thanh Hóa	Con	
2	Nguyễn Trọng Sơn	1948	7-1982	5-1986	HTX Nông nghiệp Quảng Thắng	02-2000	10,500,000	Nguyễn Trọng Hùng	1976	Phường Quảng Thắng, TP Thanh Hóa	Con	
Xã Thiệu Văn												
3	Lê Quý Thắng	1933	01/1974	12/1976	HTX Nông nghiệp Thiệu Văn	5/2006	10,500,000	Lê Quý Thuần	1965	Xã Thiệu Văn, TP Thanh Hóa	Con	
4	Nguyễn Hữu Dầy	1943	8/1985	7/1987	HTX Nông nghiệp Thiệu Văn	10/1994	10,500,000	Nguyễn Thị Mến	1944	Xã Thiệu Văn, TP Thanh Hóa	Vợ	
Xã Thiệu Khánh												
5	Nguyễn Bá Kỳ	1934	02/1977	3/1978	HTX Nông nghiệp Thiệu Khánh	11/2003	10,500,000	Nguyễn Bá Thư	1956	Xã Thiệu Khánh, TP Thanh Hóa	Con	
Phường Nam Ngạn												
6	Lê Nguyên Hiên	1928	01/1974	12/1980	HTX Nông nghiệp Thống Nhất	5/1993	10,500,000	Nguyễn Thị Sợi	1923	Phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa	Vợ	
Phường Quảng Hưng												
7	Lưu Doãn Vây	1934	11/1974	10/1980	HTX Nông nghiệp Quảng Hưng	10/2005	10,500,000	Lưu Doãn Ôn	1972	Phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Con	

Phường Hàm Rồng											
8	Lương Bá Hải	1920	01/1964	12/1969	HTX Nông nghiệp Đông Sơn	8/1987	10,500,000	Lương Bá Hanh	1972	Phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	Con
9	Lương Trọng Minh	1942	01/1970	12/1976	HTX Nông nghiệp Đông Sơn	6/1990	10,500,000	Nguyễn Thị Tít	1943	Phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	Vợ
10	Dương Tiến Bảng	1953	5/1993	12/1994	HTX Nông nghiệp Hàm Rồng	12/1995	10,500,000	Trịnh Thị Bích Nguyệt	1953	Phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	Vợ
Phường An Hoạch											
11	Hoàng Thanh Suu	1926	01/1973	12/1976	HTX Nông nghiệp Đông Hưng	5/2005	10,500,000	Hoàng Thanh Hiền	1959	Xã Đông Hưng, TP Thanh Hóa	Con
12	Nguyễn Đình Mạc	1937	12/1977	5/1980	HTX Nông nghiệp Đông Hưng	3/2007	10,500,000	Lê Thị Ngợi	1935	Phường An Hoạch, TP Thanh Hóa	Vợ
Xã Quảng Thịnh											
13	Nguyễn Huy Cẩm	1920	5/1974	02/1975	HTX Nông nghiệp Quảng Thịnh	9/1995	10,500,000	Nguyễn Huy Phán	1950	Xã Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa	Con
XI Huyện Cẩm Thủy											
Xã Cẩm Lương											
1	Quách Công Xuân	1944	5-1987	4-1988	HTX Nông nghiệp Cẩm Lương	02-1997	10,500,000	Trương Thị Đường	1946	Xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	Vợ
XII Huyện Triệu Sơn											
Xã Vân Sơn											
1	Lê Văn Bồng	1927	6-1973	3-1977	HTX Nông nghiệp Vân Sơn	4/1994	10,500,000	Lê Cao Thi	1966	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	Con
2	Trần Văn Mão	1927	4-1977	4-1978	HTX Nông nghiệp Vân Sơn	7/2001	10,500,000	Lê Xuân Cử	1947	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	Cháu
3	Lê Văn Tầm	1936	4-1972	5-1973	HTX Nông nghiệp Vân Sơn	7/2006	10,500,000	Lê Văn Trung	1956	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	Con
Xã Thọ Thế											
4	Đoàn Văn Đáp	1936	9-1978	12-1989	HTX Nông nghiệp Thọ Thế	8/1998	10,500,000	Đoàn Văn Hưng	1959	Xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn	Con
5	Lê Bá Lập	1930	7-1977	8-1978	HTX Nông nghiệp Thọ Thế	7/2003	10,500,000	Lê Bá Khóa	1961	Xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn	Con
Xã Thọ Tân											
6	Lê Xuân Xinh	1920	3-1973	5-1974	HTX Nông nghiệp Tân Sơn	4/2003	10,500,000	Nguyễn Thị Đào	1938	Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn	Vợ
7	Trịnh Văn Dương	1938	01-1980	12-1983	HTX Nông nghiệp Thọ Tân	4/2005	10,500,000	Trịnh Văn Quyết	1965	Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn	Con
Xã Thọ Sơn											
8	Lê Đình Nghĩa	1920	11-1974	10-1976	HTX Nông nghiệp Thọ Sơn	5/1997	10,500,000	Lê Thị Ban	1920	Xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn	Vợ
Xã Nông Trường											
9	Nguyễn Văn Bảy	1935	01-1970	4-1973	HTX Nông nghiệp Nông Trường	01/2001	10,500,000	Nguyễn Văn Phụng	1965	Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn	Con

10	Nguyễn Duy Ruệ	1946	9-1982	01-1984	HTX Nông nghiệp Nông Trường	01/2006	10,500,000	Nguyễn Duy Ninh	1962	Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn	Em trai	
Xã Bình Sơn												
11	Hà Văn Hiên	1939	9-1966	12-1971	HTX Nông nghiệp Thọ Bình	02/2011	10,500,000	Hà Văn Toàn	1971	Xã Bình Sơn, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Đồng Lợi												
12	Nguyễn Đình Mộc	1926	01-1960	12-1963	HTX Nông nghiệp Đồng Lợi	3/1995	10,500,000	Nguyễn Xuân Tiến	1949	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn	Con	
13	Bùi Trọng Quỳnh	1955	6-1980	4-1985	HTX Nông nghiệp Đồng Lợi	4/1985	10,500,000	Nguyễn Thị Đăng	1963	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn	Vợ	
14	Lê Văn Lụa	1934	5-1972	6-1976	HTX Nông nghiệp Đồng Lợi	7/1986	10,500,000	Lê Văn Hiệu	1976	Xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Thọ Vực												
15	Phạm Đức Cảnh	1948	9-1986	9-1989	HTX Nông nghiệp Thọ Vực	7/2005	10,500,000	Phạm Thị Hải	1954	Xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn	Vợ	
16	Lê Văn Tiến	1956	02-1993	12-1995	HTX Nông nghiệp Thọ Vực	8/2001	10,500,000	Lê Văn Đại	1962	Xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn	Em ruột	
Xã Tiến Nông												
17	Đào Đăng Thân	1958	4-1996	6-1997	HTX Nông nghiệp Tiến Nông	8/2008	10,500,000	Lê Thị Ngọc	1958	Xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn	Vợ	
Xã Xuân Thọ												
18	Lê Văn Tài	1933	3-1976	8-1978	HTX Nông nghiệp Xuân Thọ	02/1980	10,500,000	Lê Văn Quang	1956	Xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Thọ Cường												
19	Lê Đình Hoàng	1949	12-1975	3-1978	HTX Nông nghiệp Thọ Cường	12/2005	10,500,000	Lê Thị Vân	1950	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn	Vợ	
20	Lê Văn Hậu	1945	4-1980	5-1981	HTX Nông nghiệp Thọ Cường	5/1981	10,500,000	Lê Thị Tú	1947	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn	Vợ	
21	Lê Đình Nội	1928	6-1981	12-1985	HTX Nông nghiệp Thọ Cường	9/1995	10,500,000	Lê Thị Tơ	1926	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn	Vợ	
22	Phạm Thanh Hải	1935	3-1973	11-1975	HTX Nông nghiệp Thọ Cường	3/2001	10,500,000	Phạm Thanh Thư	1968	Xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn	Vợ	
Xã Thọ Bình												
23	Hoàng Đình Trí	1950	9-1985	10-1986	HTX Nông nghiệp Thọ Bình	8/2008	10,500,000	Lê Thị Lung	1952	Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn	Vợ	
Xã Dân Lý												
24	Trần Công Hoan	1949	11-1988	12-1993	HTX Nông nghiệp Dân Lý	02/1996	10,500,000	Bùi Thị Tâm	1949	Xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn	Vợ	
Xã Khuyến Nông												
25	Nguyễn Văn Ngải	1928	01-1966	01-1970	HTX Nông nghiệp Khuyến Nông	11/1978	10,500,000	Nguyễn Văn Vy	1948	Xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn	Con	
26	Nguyễn Thị Phơn	1942	02-1970	02-1973	HTX Nông nghiệp Khuyến Nông	6/1975	10,500,000	Nguyễn Trọng Huân	1970	Xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Minh Dân												

27	Hoàng Văn Thân	1944	11-1982	12-1983	HTX Nông nghiệp Minh Dân	11/1995	10,500,000	Lê Thị Ái	1943	Xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn	Vợ	
28	Nguyễn Chúc Khoát	1948	5-1979	4-1981	HTX Nông nghiệp Minh Dân	01/2001	10,500,000	Nguyễn Thị Chải	1951	Xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn	Vợ	
Xã Minh Sơn												
29	Mai Văn Dụng	1939	4-1979	11-1979	HTX Nông nghiệp Minh Sơn	6/2001	10,500,000	Nguyễn Thị Thi	1947	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn	Vợ	
30	Mai Văn Viễn	1969	01-1968	10-1972	HTX Nông nghiệp Minh Sơn	8-1990	10,500,000	Mai Văn Thoại	1969	Xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Dân Quyền												
31	Lê Khắc Tại	1940	7-1987	4-1989	HTX Nông nghiệp Dân Quyền	4-2008	10,500,000	Vũ Thị Khánh	1941	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	Vợ	
32	Mai Văn Bồng	1925	12-1986	6-1987	HTX Nông nghiệp Dân Quyền	7-1987	10,500,000	Mai Văn Thiên	1958	Xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Thọ Phú												
33	Lê Xuân Thanh	1932	6-1976	6-1978	HTX Nông nghiệp Thọ Phú	12/2004	10,500,000	Lê Xuân Lam	1967	Xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn	Con	
34	Lê Hữu Trà	1934	4-1979	4-1987	HTX Nông nghiệp Thọ Phú	7/2003	10,500,000	Lê Hữu Hạnh	1967	Xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Đồng Thắng												
35	Hoàng Đình Thái	1942	4-1986	6-1988	HTX Nông nghiệp Đồng Thắng	4-1997	10,500,000	Hoàng Đình Thảo	1980	Xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn	Con	
Xã Hợp Thắng												
36	Lê Văn Ngân	1952	6-1988	11-1991	HTX Nông nghiệp Hợp Thắng	01-2004	10,500,000	Hà Thị Khuyến	1956	Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn	Vợ	
XIII Huyện Thọ Xuân												
1	Lê Trung Nông	1928	12/1977	12/1979	HTX Nông nghiệp Xuân Khánh	7/2002	10,500,000	Lê Trung Hưng	1969	Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân	Con	
XIV Huyện Đông Sơn												
1	Nguyễn Văn Châu	1954	01/1991	8/1993	HTX Nông nghiệp Đông Thanh	02/2012	10,500,000	Nguyễn Văn Phương	1980	Xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn	Con	
XV Huyện Như Thanh												
Xã Hải Vân												
1	Nguyễn Hữu Bưởi	1925	4/1973	10/1976	HTX Nông nghiệp Hải Hòa	6-2000	10,500,000	Nguyễn Văn Quang	1952	Xã Hải Vân, huyện Như Thanh	Con	
Xã Xuân Du												
2	Quách Văn Khang	1944	10/1975	12/1976	HTX Nông nghiệp Xuân Du	6-2003	10,500,000	Quách Văn Huy	1977	Xã Xuân Du, huyện Như Thanh	Con	

DANH SÁCH CHỦ NHIỆM HỢP TÁC XÃ HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN
THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 250/QĐ-TTg NGÀY 29/01/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 5133/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước					Thời gian sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã			Trợ cấp một lần		Ghi chú
			Từ tháng năm	Đến tháng năm	Tổng		Tên hợp tác xã	Từ tháng năm	Đến tháng năm	Chức danh, nơi làm việc theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 250/QĐ-TTg	Thời gian làm tròn năm	Mức trợ cấp (đồng)	
					Năm	Tháng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Huyện Hà Trung												
Xã Hà Ngọc													
1	Phạm Duy Mạch	1950	10-1987	11-1989	2	2	HTX Nông nghiệp Hà Ngọc						
Xã Hà Phú											2	3,150,000	
2	Nguyễn Văn Khâm	1950	5-1992	01-1994	1	9	HTX Nông nghiệp Hà Phú	02-1994	8-2001	Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã Hà Phú	2	3,150,000	
II	Huyện Quảng Xương												
Xã Quảng Nham													
1	Hoàng Mai	1942	01-1964	12-1964	1		HTX Nông nghiệp Quảng Nham	7-1965	02-1969	Xã đội trưởng, trực đảng UBHC xã Quảng Nham	1	3,150,000	
2	Hoàng Mạnh Tường	1945	5-1980	10-1986	6	6	HTX Nông nghiệp Kim Toàn				6.5	6,825,000	
Xã Quảng Yên													
3	Nguyễn Văn Trọng	1946	01-1983	9-1983		9	HTX Nông nghiệp Quảng Yên	01-1986	01-1995	Phó Chủ tịch UBND xã Quảng Yên	1	3,150,000	
III	Huyện Hoằng Hóa												
Xã Hoằng Kim													

1	Phạm Thế Ban	1953	9/1987	11/1988		11	HTX Nông nghiệp Hoàng Kim	8/1988	3/2013	Bí thư, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch MTTQ xã Hoàng Kim	1	3,150,000	
Xã Hoàng Cát													
2	Hồ Văn Hoan	1953	4/1989	12/1989		9	HTX Nông nghiệp Hoàng Cát	12/1994	12/2013	Phó Chủ tịch HĐND, Phó CT UBND, Chủ tịch MTTQ xã Hoàng Cát	1	3,150,000	
IV Huyện Đông Sơn													
Xã Đông Phú													
1	Lê Văn Tâm	1940	8-1987	01-1991	3	6	HTX Nông nghiệp Đông Phú	02-1991	8-1996	Bí thư ĐU-Chủ tịch HĐND xã Đông Phú	3.5	3,675,000	
Xã Đông Hòa													
2	Lê Thị Căn	1928	3-1971	8-1972	1	6	HTX Nông nghiệp Đông Hòa				1.5	3,150,000	
V Huyện Thọ Xuân													
Xã Xuân Yên													
1	Nguyễn Trọng Hiếu	1946	8-1979	9-1991	12	2	HTX Nông nghiệp Xuân Yên	10-1991	4-1992	Bí thư Đảng ủy xã Xuân Yên	12	12,600,000	
2	Trịnh Đình Bản	1954	10-1991	4-1992		7	HTX Nông nghiệp Xuân Yên				1	3,150,000	
Xã Thọ Lập													
3	Lê Khắc Tình	1955	12/1987	12/1989	2	1	HTX Nông nghiệp Thọ Lập	4-2004	12-2010	Chủ tịch HĐND xã Thọ Lập	2	3,150,000	
VI Huyện Yên Định													
Xã Yên Lạc													
1	Trịnh Trung Nhâm	1950	01-1995	9-1996	1	9	HTX Nông nghiệp Yên Lạc	10-1996	6-1999	Thống kê UBND xã Yên Lạc	2	3,150,000	
2	Lê Văn Thương	1940	02-1974	10-1976	2	9	HTX Nông nghiệp Yên Lạc	11-1976	8-1981	Xã đội trưởng, trực UBND xã Yên Lạc	3	3,150,000	
Xã Yên Hùng													
3	Lê Xuân Na	1944	01-1984	12-1986	3		HTX Nông nghiệp Yên Hùng				3	3,150,000	
Xã Định Long													
4	Ngô Văn Vận	1923	01-1976	10-1980	4	10	HTX Nông nghiệp Định Long	02-1992	6-1998	Chủ tịch UBMTTQ xã Định Long	5	5,250,000	
Thị trấn Quán Láo													
5	Hà Thị Cự	1945	3-1989	12-1995	6	10	HTX NN thị trấn Quán Láo				7	7,350,000	
6	Trịnh Văn Thuận	1937	01/1982	5/1985	3	5	HTX Nông nghiệp Định Tường	3/1996	7/2002	Chủ tịch UBMTTQ thị trấn Quán Láo	3.5	3,675,000	

7	Trịnh Xuân Cừ	1928	11/1976	12/1981	5	2	HTX Nông nghiệp Định Tường	11/1982	02/1989	Bí thư ĐU, Chủ tịch UBND xã Định Tường	5	5,250,000	
Xã Quý Lộc													
8	Hoàng Văn Ấu	1932	02-1975	12-1977	2	11	HTX Nông nghiệp Yên Lộc				3	3,150,000	
9	Trịnh Đình Tôn	1958	10-1985	8-1990	4	11	HTX Nông nghiệp Quý Lộc				5	5,250,000	
10	Lê Hữu Mẫn	1930	5-1969	02-1978	8	10	HTX Nông nghiệp Yên Quý và Quý Lộc	02-1986	10-1994	Chủ tịch UBMTTQ xã Quý Lộc	9	9,450,000	
Xã Yên Phong													
11	Nguyễn Thiện Hồng	1950	11/1991	6/1997	5	8	HTX Nông nghiệp Yên Phong	6/2001	8/2011	Chủ tịch UBMTTQ xã Yên Phong	6	6,300,000	
VII Huyện Như Thanh													
Xã Xuân Du													
1	Trần Văn Cừ	1956	01-1994	12/1995	2		HTX Nông nghiệp Xuân Du	01-1995	12/1998	Phó Bí thư Đảng ủy xã Xuân Du	2	3,150,000	
VIII TP. Thanh Hóa													
Phường Hàm Rồng													
1	Lương Quý Quang	1965	5-1995	11/1996	1	7	HTX Nông nghiệp Hàm Rồng				2	3,150,000	
2	Lương Trí Dũng	1953	01-1984	12/1986	3		HTX Nông nghiệp Hàm Rồng				3	3,150,000	
3	Dương Trung Du	1956	10-1987	4/1993	5	7	HTX Nông nghiệp Hàm Rồng				6	6,300,000	
4	Lê Xuân Chênh	1932	01-1977	12-1979	3		HTX Nông nghiệp Đông Sơn	01-1990	02-1992	Trực Đảng ủy UBND phường Hàm Rồng	3	3,150,000	
Phường Đông Cương													
5	Lê Đình Sinh	1949	6/1980	6/1997	17	1	HTX Nông nghiệp Đông Cương				17	17,850,000	
Phường Quảng Thắng													
6	Phạm Chí Thông	1949	01-1991	12-1992	2		HTX Nông nghiệp Quảng Thắng				2	3,150,000	
7	Nguyễn Thị Thúc	1957	01-1996	01/1997	1	1	HTX Nông nghiệp Quảng Thắng	01-2004	5/2010	Chủ tịch HĐND phường Quảng Thắng	1	3,150,000	
8	Hoàng Văn Thảo	1950	06-1986	5-1989	3		HTX Nông nghiệp Quảng Thắng	6-1998	7-2003	Chủ tịch UB MTTQ xã Quảng Thắng	3	3,150,000	
9	Phạm Văn Chi	1936	01-1980	5-1982	2	5	HTX Nông nghiệp Quảng Thắng	6-1983	02-1986	Bí thư Đảng ủy xã Quảng Thắng	2.5	3,150,000	
10	Yên Thanh Hải	1939	02-1973	02-1978	5	1	HTX Nông nghiệp Quảng Thắng	01-1980	12-1994	Phó Chủ tịch UBND xã Quảng Thắng	5	5,250,000	
Phường An Hoạch													
11	Lê Đình Bản	1945	12/1983	6/1987	3	7	HTX Nông nghiệp Đông Hưng	01/1984	6/2004	Bí thư, Chủ tịch UBND xã Đông Hưng	4	4,200,000	

Xã Quảng Thịnh													
12	Nguyễn Đức Lâm	1946	02-1973	5-1987	12	4	HTX Nông nghiệp Quảng Thịnh	6-1987	7-2000	Bí thư, Chủ tịch UBND xã Quảng Thịnh	12.5	13,125,000	
IX Huyện Triệu Sơn													
Xã Minh Sơn													
1	Lê Văn Tắc	1938	3-1978	3-1979	1	1	HTX Nông nghiệp Minh Sơn	4/1979	12/1982	Bí thư ĐU xã Minh Sơn	1	3,150,000	
2	Nguyễn Hùng Mạnh	1954	9-1991	4-1994	2	8	HTX Nông nghiệp Minh Sơn				3	3,150,000	
3	Hà Văn Tự	1929	12-1979	12-1980	1	1	HTX Nông nghiệp Minh Sơn				1	3,150,000	
4	Ngô Đức Thiện	1955	4-1994	10-1994		8	HTX Nông nghiệp Minh Sơn	11-1994	9-2000	Chủ tịch UBND xã Minh Sơn	1	3,150,000	
5	Trịnh Công Sỹ	1960	10-1994	01-1995		4	HTX Nông nghiệp Minh Sơn	02/1995	7/1997	Chủ tịch Nội ND xã Minh Sơn	0.5	3,150,000	
6	Trịnh Ngọc Phẩm	1957	12-1987	9-1990	2	10	HTX Nông nghiệp Minh Sơn	9/1990	4/1994	UV UB phụ trách GTTL xã Minh Sơn	3	3,150,000	
Xã Hợp Tiến													
7	Nguyễn Văn Lại	1930	12-1974	9-1976	1	10	HTX Nông nghiệp Hợp Tiến				2	3,150,000	
8	Nguyễn Văn Sơn	1951	12-1988	6-1997	8	7	HTX Nông nghiệp Hợp Tiến				9	9,450,000	
Xã Thọ Phú													
9	Chu Kim Biên	1930	3/1970	8-1973	3	6	HTX Nông nghiệp Thọ Phú				3.5	3,675,000	
10	Nguyễn Huy Cư	1919	9/1973	6-1976	2	10	HTX Nông nghiệp Thọ Phú				3	3,150,000	
11	Lê Ngọc Bốn	1955	6/1988	10-1993	5	5	HTX Nông nghiệp Thọ Phú	11/1993	7/1999	Chủ tịch HĐND, Phó CT UBND xã Thọ Phú	5.5	5,775,000	
Xã Thọ Bình													
12	Lê Công Thanh	1950	01/1992	12-1994	2	12	HTX Nông nghiệp Thọ Bình				3	3,150,000	
13	Đỗ Thanh Soạn	1944	5/1978	12-1980	2	8	HTX Nông nghiệp Thọ Bình				3	3,150,000	
14	Phạm Văn Dũng	1947	01/1990	01-1992	2	1	HTX Nông nghiệp Thọ Bình	02/1992	01/1994	Trưởng CA xã Thọ Bình	2	3,150,000	
15	Hoàng Việt Đình	1939	6/1988	12-1989	1	7	HTX Nông nghiệp Thọ Bình	12/1989	01/1991	Chủ tịch UBHC xã Thọ Bình	2	3,150,000	
16	Bùi Bá Thảo	1942	5-1975	4-1978	2	12	HTX Nông nghiệp Thọ Bình	6/1986	5/1990	Phó BT, CT UBND huyện Triệu Sơn	3	3,150,000	
17	Lê Sắc	1947	12-1994	12-1995	1	1	HTX Nông nghiệp Thọ Bình	01/1996	9/2005	Phó Bí thư - Trục đảng xã Thọ Bình	1	3,150,000	
Xã Dân Lý													
18	Nguyễn Xuân Thương	1949	9-1982	5-1987	4	9	HTX Nông nghiệp Dân Lý	8/1994	10/1998	Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐND xã Dân Lý	5	5,250,000	

19	Nguyễn Kim Ngân	1939	6-1975	8-1982	7	3	HTX Nông nghiệp Dân Lý	5/1982	12/1988	Bí thư ĐU, Chủ tịch UBHC xã Dân Lý	7.5	7,875,000	
20	Lê Văn Khuy	1927	01-1973	5-1975	2	5	HTX Nông nghiệp Dân Lý	6/1975	12/1982	Chủ tịch UBHC, Chủ tịch UB MTTQ xã Dân Lý	2.5	3,150,000	
Xã Nông Trường													
21	Phạm Thế Quảng	1956	01-1989	11-1996	7	11	HTX Nông nghiệp Nông Trường	8/2010	7/2011	Phó Chủ tịch HĐND xã Nông Trường	8	8,400,000	
22	Đỗ Hữu Đoàn	1946	02-1984	12-1987	3	11	HTX Nông nghiệp Nông Trường	12/2000	5/2004	Bí thư ĐU, CT HĐND xã Nông Trường	4	4,200,000	
Xã Thọ Tân													
23	Nguyễn Văn Hào	1949	3-1994	4-1995	1	2	HTX Nông nghiệp Thọ Tân	12/1989	02/1991	Chủ tịch UBHC xã Thọ Tân	1	3,150,000	
24	Dương Văn Tuyên	1951	02-1992	02-1994	2	1	HTX Nông nghiệp Thọ Tân				2	3,150,000	
Xã Thọ Thế													
25	Đặng Thị Huyền	1954	01-1990	12-1995	5	12	HTX Nông nghiệp Thọ Thế				6	6,300,000	
26	Lê Bà Lan	1934	01-1975	6-1977	2	6	HTX Nông nghiệp Thọ Thế				2.5	3,150,000	
Xã Thọ Dân													
27	Lê Đình Sắc	1954	5-1989	3-1990		11	HTX Nông nghiệp Thọ Dân	12/1999	5/2011	Bí thư ĐU, Chủ tịch HĐND xã Thọ Dân	1	3,150,000	
28	Lê Ngọc Lâm	1953	5-1990	12-1995	5	8	HTX Nông nghiệp Thọ Dân	10/2004	12/2010	Phó BT, Phó Chủ tịch HĐND xã Thọ Dân	6	6,300,000	
Xã Tiến Nông													
29	Nguyễn Bá Quý	1956	01/1991	3-1994	3	3	HTX Nông nghiệp Tiến Nông				3.5	3,675,000	
Xã Đồng Lợi													
30	Lê Khắc Bảo	1948	11/1989	12-1992	3	2	HTX Nông nghiệp Đồng Lợi				3	3,150,000	
31	Trần Song Hào	1953	9/1985	10-1989	4	2	HTX Nông nghiệp Đồng Lợi				4	4,200,000	
Xã Thọ Sơn													
32	Hà Đình Sơn	1953	02/1990	9-1995	5	8	HTX Nông nghiệp Thọ Sơn				6	6,300,000	
Xã Xuân Thọ													
33	Lê Quang Tư	1955	01/1987	8-1990	3	8	HTX Nông nghiệp Xuân Thọ				4	4,200,000	
Xã Thọ Cường													
34	Lê Đình Tuyết	1934	3/1979	3-1980	1	1	HTX Nông nghiệp Thọ Cường	3/1986	3/1987	Phó CT UBND xã Thọ Cường	1	3,150,000	
35	Lê Đình Thường	1954	5-1990	3-1994	3	11	HTX Nông nghiệp Thọ Cường				4	4,200,000	

36	Lê Văn Long	1952	5-1987	04-1990	2	12	HTX Nông nghiệp Thọ Cường				3	3,150,000	
Xã Thọ Vực													
37	Nguyễn Văn Dũng	1950	02/1980	08-1986	6	7	HTX Nông nghiệp Thọ Vực				7	7,350,000	
38	Lê Công Bồng	1946	5/1989	01-1993	3	9	HTX Nông nghiệp Thọ Vực				4	4,200,000	
Xã Hợp Thắng													
39	Lê Đăng Bản	1940	8/1980	9-1985	5	2	HTX Nông nghiệp Hợp Thắng				5	5,250,000	
Xã Thọ Ngọc													
40	Lê Hùng Bạo	1948	01/1981	5-1989	8	5	HTX Nông nghiệp Thọ Ngọc				8.5	8,925,000	
41	Lê Văn Xuân	1955	5/1995	5-1997	2	1	HTX Nông nghiệp Thọ Ngọc				2	3,150,000	
42	Lê Bá Dụng	1935	5/1974	12-1980	6	8	HTX Nông nghiệp Thọ Ngọc				7	7,350,000	
43	Lê Văn Y	1928	01-1973	5-1974	1	5	HTX Nông nghiệp Thọ Ngọc	5/1981	8/1982	Bí thư ĐU xã Thọ Ngọc	1.5	3,150,000	
44	Đỗ Đình Phú	1939	10-1992	01-1995	2	4	HTX Nông nghiệp Thọ Ngọc				2.5	3,150,000	
45	Đỗ Đình Bộ	1953	6-1989	9-1992	3	4	HTX Nông nghiệp Thọ Ngọc	6/2004	3/2013	Bí thư, Chủ tịch HĐND xã Thọ Ngọc	3.5	3,675,000	
Xã Văn Sơn													
46	Trần Ngọc Cận	1942	6-1984	01/1989	4	8	HTX Nông nghiệp Văn Sơn				5	5,250,000	
47	Trần Trung Sô	1949	02-1989	01-1992	2	12	HTX Nông nghiệp Văn Sơn	01/2000	5/2004	Ủy viên UB phụ trách GTTL xã Văn Sơn	3	3,150,000	
Xã Tân Ninh													
48	Hứa Viết Trống	1949	3-1986	12-1990	4	10	HTX Nông nghiệp Tân Ninh				5	5,250,000	
Xã Dân Quyền													
49	Phạm Quốc Thà	1945	01-1989	12-1990	1	12	HTX Nông nghiệp Dân Quyền				2	3,150,000	
Xã Khuyến Nông													
50	Hoàng Ngọc Kim	1937	3-1973	10-1977	4	8	HTX Nông nghiệp Khuyến Nông				5	5,250,000	
Xã Đồng Tiến													
51	Đỗ Viết Đoán	1951	01-1991	9-1993	2	9	HTX Nông nghiệp Đồng Tiến				3	3,150,000	
52	Đỗ Viết Tung	1946	6-1977	9-1979	2	4	HTX Nông nghiệp Đồng Tiến				2.5	3,150,000	
X	Huyện Nông Cống												

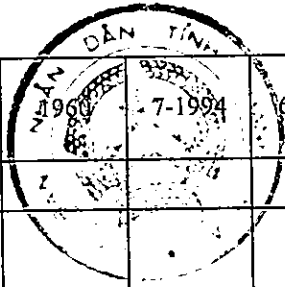
Xã Minh Khôi													
1	Nguyễn Ngọc Hân	1952	01/1991	10/1995	4	10	HTX Nông nghiệp Minh Khôi	10-1995	4-2014	Công chức UBND huyện Nông Cống	5	5,250,000	
XI Huyện Tĩnh Gia													
Xã Hải An													
1	Hoàng Văn Ngoạt	1930	03-1973	12-1974	1	10	HTX Nông nghiệp Hải An	01-1975	12-1977	Bí thư Đảng ủy xã Hải An	2	3,150,000	
2	Lương Hữu Lự	1946	7-1981	12-1983	2	6	HTX Nông nghiệp Hải An	02-1988	8-1988	Bí thư Đảng ủy xã Hải An	2.5	3,150,000	
3	Lâm Ngọc Hoạch	1922	01-1984	02-1987	3	2	HTX Nông nghiệp Hải An	03-1987	8-1996	Bí thư Đảng ủy xã Hải An	3	3,150,000	
4	Nguyễn Trọng Khiên	1953	3-1987	9-1988	1	7	HTX Nông nghiệp Hải An	11-1989	4-1993	Chủ tịch UBND xã Hải An	2	3,150,000	
5	Lương Hữu Thiệu	1951	10-1988	6-1990	1	9	HTX Nông nghiệp Hải An	10-1999	6-2004	Phó Chủ tịch UBND xã Hải An	2	3,150,000	
6	Lê Cảnh Việt	1956	7-1990	01-1992	1	7	HTX Nông nghiệp Hải An	7-1994	12-2000	Chủ tịch UBND xã Hải An	2	3,150,000	
7	Lâm Bá Đông	1957	02-1992	8-1994	2	7	HTX Nông nghiệp Hải An	12-1999	6-2006	UVUB-Xã Đội trưởng	3	3,150,000	
8	Lê Văn Xuân	1957	9-1994	6-1997	2	10	HTX Nông nghiệp Hải An	01-1998	12-2008	Chủ nhiệm HTX DV nông nghiệp	3	3,150,000	
XII Huyện Nga Sơn													
Thị trấn Nga Sơn													
1	Mai Xuân Dậu	1953	8-1989	3-1990		8	HTX Nông nghiệp TT Nga Sơn	01-1994	12-2013	Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch MTTQ thị trấn Nga Sơn	1	3,150,000	
XIII Huyện Thiệu Hóa													
Xã Thiệu Chính													
1	Đỗ Thế Chung	1942	6-1986	10-1990	4	5	HTX Nông nghiệp Thiệu Chính	11-1990	3-1993	Trưởng ban thư ký HĐND xã Thiệu Chính	4.5	4,725,000	
2	Cao Xuân Hoạch	1944	02-1979	11-1984	5	10	HTX Nông nghiệp Thiệu Chính	12-1984	02-1993	Bí thư Đảng ủy xã Thiệu Chính	6	6,300,000	

**DANH SÁCH CHỦ NHIỆM HỢP TÁC XÃ ĐƯỢC CỘNG NÓI THỜI GIAN LÀM CHỦ NHIỆM HTX
VỚI THỜI GIAN ĐÓNG BHXH ĐỂ TÍNH HƯỞNG BHXH THEO QUY ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước			Thời gian sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã			Ghi chú
			Từ tháng năm	Đến tháng năm	Tên hợp tác xã	Từ tháng năm	Đến tháng năm	Chức danh, nơi làm việc theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 250/QĐ-TTg	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Huyện Quảng Xương								
	Xã Quảng Nham								
1	Lê Thanh Từ	1961	8-1986	8-1990	HTX Ngư nghiệp Quảng Nham	6-2002	5-2004	Tư pháp-hộ tịch UBND xã Quảng Nham	
						6-2004	8-2005	Chỉ huy trưởng quân sự xã Quảng Nham	
						9-2005	9-2014	Tư pháp-hộ tịch UBND xã Quảng Nham	
II	Huyện Thọ Xuân								
	Xã Tây Hồ								
1	Hoàng Minh Thành	1955	01/1992	6-1997	HTX Nông nghiệp Tây Hồ	12-1999	4-2013	Phó Chủ tịch HĐND xã Tây Hồ	
						4-2013	8-2013	Chủ tịch MTTQ xã Tây Hồ	
						8-2013	02-2014	Phó Chủ tịch HĐND xã Tây Hồ	
	Xã Hạnh Phúc								
2	Nguyễn Hữu Bích	1942	12/1982	5/1988	HTX Nông nghiệp Hạnh Phúc	6-1988	11-1991	Phó Chủ tịch UBHC xã Hạnh Phúc	
						12-1991	12-1995	Bí thư Đảng ủy xã Hạnh Phúc	
						01-1996	11-1999	Chủ tịch HĐND xã Hạnh Phúc	
						5-2001	4-2008	Chủ tịch MTTQ xã Hạnh Phúc	

III	Huyện Đông Sơn								
Xã Đông Ninh									
1	Hà Đình Hương	1961	6/1993	11/1995	HTX Nông nghiệp Đông Ninh	01/1996	12/1998	Chủ tịch Hội ND xã Đông Ninh	
						01/1999	5/2000	Chuyên viên Hội ND huyện Đông Sơn	
						6/2000	9/2004	Thường vụ Hội ND huyện Đông Sơn	
						10/2004	3/2014	Phó Chủ tịch Hội ND huyện Đông Sơn	
Xã Đông Xuân									
2	Thiều Thị Tiến	1959	4/1991	12/1995	HTX Nông nghiệp Đông Xuân	9/2003	3/2014	Chủ tịch Hội ND xã Đông Xuân	
IV	Huyện Hậu Lộc								
Xã Liên Lộc									
1	Nguyễn Đức Nhân	1953	7/1989	8/1996	HTX Nông nghiệp Liên Lộc	12/1997	11/2002	Chủ tịch Hội ND xã Liên Lộc	
V	Huyện Nông Cống								
Xã Vạn Hòa									
1	Nguyễn Văn Châu	1960	9/1996	6/1997	HTX Nông nghiệp Vạn Hòa	6-2002	4-2004	Chủ tịch Hội ND xã Vạn Hòa	
						5-2004	02-2014	Chủ tịch UBND xã Vạn Hòa	
Xã Trung Thành									
2	Lê Minh Tâm	1959	12/1991	7/1994	HTX Nông nghiệp Trung Thành	11-2002	9-2015	Đội trưởng Xí nghiệp công trình công cộng thị xã Đông Xoài	
Xã Tượng Lĩnh									
3	Lê Mạnh Tường	1963	02-1990	5/1993	HTX Nông nghiệp Tượng Lĩnh	7-2004	8-2010	Văn phòng - thống kê UBND xã Tượng Lĩnh	
						9-2010	02-2014	Phó Chủ tịch HĐND xã Tượng Lĩnh	
VI	TP Thanh Hóa								
Phường Đông Thọ									
1	Nguyễn Dương Lừng	1949	01/1990	6/1997	HTX Nông nghiệp Đông Thọ	10/1997	01/2005	Chủ tịch Hội ND phường Đông Thọ	
						02/2005	8/2008	Phó CT UBND phường Đông Thọ	
Xã Quảng Thành									

2	Trương Tiến Doanh		1960	7-1994	6-1997	HTX Nông nghiệp Quảng Thành	12/1999	7/2008	Chủ tịch UBND xã Quảng Thành	
							8/2008	7/2009	Phó BT Đảng ủy xã Quảng Thành	
Phường Hàm Rồng										
3	Lương Trí Thanh	1966	3-1997	6-1997	HTX Nông nghiệp Hàm Rồng		6/2002	4/2003	Chủ tịch Hội ND phường Hàm Rồng	
							4/2003	5/2004	Phó Chủ tịch UBND phường Hàm Rồng	
							5/2004	6/2010	Chủ tịch HĐND phường Hàm Rồng	
							6/2010	9/2014	Phó Bí thư ĐU phường Hàm Rồng	
VII Huyện Yên Định										
Xã Định Hòa										
1	Ngô Văn Thuận	1960	02/1993	6/1997	HTX Nông nghiệp Định Hòa		9/2003	4/2010	Chủ tịch MTTQ xã Định Hòa	
							5/2010	02/2014	Phó BT, Chủ tịch HĐND xã Định Hòa	
Xã Định Công										
2	Phạm Hữu Nghị	1953	10/1985	9/1986	HTX Nông nghiệp Định Công		12/1998	3/2013	Chủ tịch MTTQ xã Định Công	
Xã Định Tường										
3	Lê Văn Cát	1956	9/1994	6/1997	HTX Nông nghiệp Định Tường		02/1999	7/2007	Phó Chủ tịch HĐND xã Định Tường	
							8/2007	10/2013	Chủ tịch Hội ND xã Định Tường	
							11/2013	02/2014	Chủ tịch MTTQ xã Định Tường	
Xã Yên Thái										
4	Lê Văn Thặng	1949	05-1994	6-1997	HTX Nông nghiệp Yên Thái		01-2003	12-2012	Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm HTX DVSX Nông nghiệp xã Yên Thái	
VIII Huyện Triệu Sơn										
Xã Thọ Cường										
1	Lê Đình Cường	1954	5-1990	9-1996	HTX Nông nghiệp Thọ Cường		10/1999	8/2007	Chủ tịch UBND xã Thọ Cường	